

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2018

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Bà Bùi Thị Thùy.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mai Kiều T, sinh năm 1997. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn An H, xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Q.

Nơi cư trú hiện nay: Ki ốt F8 chợ V, tổ 3, ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Tống Ngọc H, sinh năm: 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Mai Kiều T trình bày:

Chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tống Ngọc H sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu đến năm 2017 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị T và anh H không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Đồng thời, anh H thường xuyên cò bạc không lo làm ăn, nhiều lần chị T khuyên nhủ anh H thay đổi cách sống để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh H không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Nay, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tống Ngọc H.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Tống Ngọc H trình bày:

Anh Tống Ngọc H và chị Nguyễn Mai Kiều T sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu đến năm 2017 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 10/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do buôn bán làm ăn khó khăn, trong cuộc sống hằng ngày chị T không biết chăm lo cho gia đình, đôi lúc chị T có những lời lẽ xem thường, không tôn trọng anh, những lúc anh H bị ốm đau, bệnh tật chị T không quan tâm chăm sóc, do tính cách chị T như vậy nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 12/2017 anh H phát hiện chị T sống không chung thủy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ 12/2017 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau, phần ai nấy sống. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Mai Kiều T yêu cầu ly hôn anh Tống Ngọc H đồng ý.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mai Kiều T yêu cầu ly hôn anh Tổng Ngọc H.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ án do Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B chuyển đến cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định chuyển vụ án số 02/QĐ-CVA ngày 26 tháng 4 năm 2018 để giải quyết theo thẩm quyền, bị đơn anh Tổng Ngọc H có hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại xóm 2, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Mai Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tổng Ngọc H tự nguyện tìm hiểu đến năm 2017 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân theo chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tổng Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; cả hai thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, không có sự quan tâm chăm sóc chia sẻ với nhau trong đời sống vợ chồng, không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đề động viên chị T và anh H hàn gắn tình cảm nhưng chị T có đơn xin vắng mặt, anh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Hiện tại, chị T và anh H đã ly thân nhau từ tháng 12/2017 đến nay, phần ai nấy sống, không qua lại gì với nhau, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Mai Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Tổng Ngọc H, anh Tổng Ngọc H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Mai Kiều T, cho chị Nguyễn Mai Kiều T được ly hôn với anh Tổng Ngọc H.

Về con chung: Chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tổng Ngọc H đều trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tổng Ngọc H đều trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Mai Kiều T và anh Tổng Ngọc H đều trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Mai Kiều T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mai Kiều T về việc “Ly hôn”. Chị Nguyễn Mai Kiều T được ly hôn với anh Tổng Ngọc H.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Mai Kiều T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0013847 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B.

Anh Tổng Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Mai Kiều T vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND huyện T; tỉnh Q;
- Cơ quan THADS thị xã T, tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ